

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2019/HSST

Ngày 20/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Ngọc Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2019/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/HSST-QĐ ngày 06/6/2019, đối với:

Bị cáo TRẦN LÝ T.

Sinh năm 1979; tại: Đắk Lắk;

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Lý X (đã chết) và con bà Phạm Thị H (đã chết); có vợ là Phạm Thị Thu V, sinh năm 1983; bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

- Tiền án: 01 tiền án. Ngày 28/12/2000, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 05 tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo quy định tại khoản 1 Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1985; theo Bản án số: 06/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã vào ngày 22/11/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị V.

Hiện không xác minh được nơi cư trú của chị V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Đăng K.

Trú tại: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Anh Trần Ngọc Giang C.

Trú tại: Đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Lý T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 18/5/2001, sau khi đã uống rượu, Trần Lý T đã rủ Nguyễn Đăng K và Trần Ngọc Giang C đi vào khu vực đài tưởng niệm gần Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk tìm gái bán dâm để hiếp dâm. Sau đó, cả ba người thuê xe ôm đi đến khu vực giao nhau giữa đường Nguyễn Du – Lê Hồng Phong – Mai Hắc Đế thì gặp chị Nguyễn Thị V là người hành nghề bán vé số đang đứng gần đó, T hỏi chị V “đi chơi với tụi anh”, chị V trả lời “không đi”. Lúc này K dùng tay nắm 01 cái và C dùng cùi chỏ tay đánh 01 cái trúng mặt chị V. C thấy chị V có đeo 01 chiếc nhẫn vàng trên tay nên đã lấy của chị V. Sau đó T đưa tiền cho K thuê xe ôm chở chị V về phòng trọ tại khu vực Km4, Quốc lộ 14, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột. Tại đây lần lượt K, T và C đã thực hiện hành vi hiếp dâm đối với chị V. Sau khi thực hiện xong hành vi hiếp dâm, T gọi xe ôm cho chị V đi về còn T, K, C tiếp tục ngồi nhậu. Do không có tiền nên C đưa K chiếc nhẫn vàng lấy của chị V mang đi bán được số tiền 35.000 đồng và tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 578 ngày 23/5/2001 của Tổ chức giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chị Nguyễn Thị V 23 tuổi bị tổn thương bầm tím cánh chậu phải kích thước (2x10)cm, màng trinh rách cũ tận đáy, tổn hại 15% sức khỏe.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Đăng K và Trần Ngọc Giang C bị khởi tố, truy tố và bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử tại Bản án số 06/HSST ngày 22/11/2001 và Tòa án phúc thẩm Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm tại Bản án số 316/HSPT ngày 03/6/2002. Riêng Trần Lý T sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại bản Cáo trạng số 145/CT-VKSTPBMT ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Trần Lý T về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 111 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 111; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Trần Lý T từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Trần Lý T từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

- Biện pháp tư pháp và về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại Bản án số 06/HSST ngày 22/11/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án số 316/HSPT ngày 03/6/2002 của Tòa án phúc thẩm Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như trong bản Cáo trạng. Bị cáo xác định là người khởi xướng, rủ Nguyễn Đăng K và Trần Ngọc Giang C tìm gái bán dâm để hiếp dâm. Khi T, K và C gặp chị Nguyễn Thị V thì T hỏi chị V “đi chơi với tui anh”, chị V trả lời “không đi”. Lúc này K dùng tay nắm 01 cái và C dùng cùi chỏ tay đánh 01 cái trúng mặt chị V. C thấy chị V có đeo 01 chiếc nhẫn vàng trên tay nên đã lấy của chị V. T nhìn thấy toàn bộ diễn biến hành vi của K và C. Mặc dù T không tham gia đánh chị V và không bàn bạc, thỏa thuận gì với C về việc lấy nhẫn vàng của chị V. Nhưng khi C lấy chiếc nhẫn vàng của chị V thì T cũng có cùng ý định, mục đích nên cũng đồng ý và không ngăn cản gì. Đến khi không có tiền trả tiền nhậu thì C đưa K chiếc nhẫn vàng lấy của chị V mang đi bán được số tiền 35.000 đồng và T cùng đồng bọn tiêu xài.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Lý T có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, vật chứng đã thu được; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo cùng đồng bọn đã thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 18/5/2001, sau khi đã uống rượu, Trần Lý T đã rủ Nguyễn Đăng K và Trần Ngọc Giang C đi vào khu vực đài tưởng niệm gần Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk tìm gái bán dâm để hiếp dâm. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, tại khu vực giao nhau giữa đường Nguyễn Du – Lê Hồng Phong – Mai

Hắc Đế, bị cáo Trần Lý T cùng K và C đã dùng vũ lực đánh chị Nguyễn Thị V chiếm đoạt của chị V 01 chiếc nhẫn vàng tây 03 phân, trị giá 60.000 đồng. Sau đó T, K, C đưa chị V về tại phòng trọ thuộc khu vực Km4, Quốc lộ 14, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện hành vi hiếp dâm đối với chị Nguyễn Thị V. Đối với chiếc nhẫn vàng, C đưa cho K mang đi bán được số tiền 35.000 đồng và cùng nhau trả tiền nhậu, tiêu xài hết.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 111 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 111 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái ý muốn của họ thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a).....

c) Nhiều người hiếp một người”.

Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm;”

Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân có đủ nhận thức, biết rõ quyền bất khả xâm phạm về tình dục của người phụ nữ, danh dự, nhân phẩm, sức khỏe và tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều phải bị trừng trị. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, xuất phát từ động cơ dục vọng thấp hèn nên vào đêm ngày 18/5/2001, tại khu vực giao nhau giữa đường Nguyễn Du – Lê Hồng Phong – Mai Hắc Đế, bị cáo Trần Lý T cùng đồng phạm K và C đã gặp chị V; K, C đã dùng vũ lực đánh chị Nguyễn Thị V. Trần Ngọc Giang C chiếm đoạt của chị V 01 chiếc nhẫn vàng tây 03 phân, trị giá 60.000 đồng, bị cáo T nhìn thấy, nhưng bị cáo cũng đồng ý nên không ngăn cản gì. Sau đó, bị cáo và C, K đưa chị V về tại phòng trọ thuộc khu vực Km4, Quốc lộ 14, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột thay nhau thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn của chị V.

Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm, sức khỏe và tài sản hợp pháp của công dân mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm hại đến trật tự pháp luật xã

hội chủ nghĩa. Vì vậy, HĐXX thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm bảo đảm tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê K và C đi tìm gái bán dâm để hiếp dâm. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo đã thật thà khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, cần xem xét trong khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội.

Vì vậy, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Trần Lý T, Hội đồng xét xử thấy phù hợp cần chấp nhận.

[3] Biện pháp tư pháp và về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại Bản án số 06/HSST ngày 22/11/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án số 316/HSPT ngày 03/6/2002 của Tòa án phúc thẩm Đà Nẵng.

Anh Nguyễn Đăng K và anh Trần Ngọc Giang C không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 111 Bộ luật hình sự 1999 và khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999;

[1] Tuyên bố:

Bị cáo Trần Lý T phạm tội “Hiếp dâm” và “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 111; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Lý T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 133; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Lý T 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt truy nã, tạm giam ngày 22/11/2018.

[2] Về biện pháp tư pháp và về trách nhiệm dân sự:

Đã được giải quyết tại Bản án số 06/HSST ngày 22/11/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án số 316/HSPT ngày 03/6/2002 của Tòa án phúc thẩm Đà Nẵng.

Người liên quan, anh C, anh K không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Lý T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND Tp.BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an Tp.BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải